

UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ XÂY DỰNG

Số: /QĐ-SXD

V/v quy định, hướng dẫn
thủ tục đăng ký công bố
giá vật liệu, thiết bị xây dựng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày tháng năm 2022

Kính gửi: Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu công bố giá vật liệu, thiết bị

Thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh Ninh Bình ủy quyền công bố các thông tin về giá xây dựng trên địa bàn tỉnh. Hàng tháng, Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình tiến hành khảo sát, lập và ban hành giá vật liệu, thiết bị xây dựng tại các huyện, thành phố làm cơ sở cho các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Để việc thực hiện thông báo giá vật liệu, thiết bị xây dựng được chính xác, kịp thời, phù hợp giá thị trường và các Thông tư của Bộ Xây dựng; Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu, thiết bị xây dựng có nhu cầu công bố giá thực hiện thủ tục đăng ký và cam kết như sau:

1. Hồ sơ đối với các đơn vị đăng ký công bố giá vật liệu, thiết bị lần đầu

Hồ sơ gửi về Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình bao gồm:

- Công văn gửi Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình đề nghị được công bố giá vật liệu, thiết bị xây dựng theo mẫu **Phụ lục 1** (nêu rõ thời điểm giá vật liệu đề nghị công bố bắt đầu có hiệu lực);
- Đăng ký kinh doanh, sản xuất hoặc cung cấp vật liệu, thiết bị xây dựng do cấp có thẩm quyền cấp, phù hợp với chủng loại vật liệu, thiết bị đề nghị công bố;
- Thông tin về địa điểm đặt trụ sở chính và nhà máy sản xuất của đơn vị, thông tin liên lạc của người phụ trách đăng ký công bố giá; danh sách các đại lý phân phối sản phẩm có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật (nếu có);
- **Giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm**, kèm theo hồ sơ kiểm định chất lượng của cấp có thẩm quyền cấp (đối với các sản phẩm không thuộc danh mục theo quy định của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng) hoặc **giấy Chứng nhận và công bố hợp quy** đối với sản phẩm bắt buộc phải công bố hợp quy theo danh mục được quy định tại Thông tư của Bộ Xây dựng;
- Danh sách một số công trình đã và đang sử dụng sản phẩm (kèm theo bản sao hợp đồng cung ứng, hóa đơn bán sản phẩm tại thời điểm gần nhất) (nếu có);

- Catalog giới thiệu sản phẩm, hướng dẫn sử dụng sản phẩm;
- Bảng giá bán của sản phẩm bao gồm các thông tin theo mẫu **Phụ lục 2** bao gồm các nội dung: giá bán của tháng/quý trước (nếu có), giá bán tại thời điểm hiện tại (**giá chưa bao gồm thuế**); tên, mã, chủng loại, quy cách, kích thước, thông số kỹ thuật của sản phẩm; **khu vực công bố giá nêu rõ là tại nơi khai thác, sản xuất, đại lý...** hoặc là **giá bình quân trên một khu vực** (bao gồm trên địa bàn một xã, huyện, thành phố hoặc trên địa bàn cả tỉnh...); cần nêu rõ thời gian có hiệu lực của mức giá;
- Trong trường hợp có chính sách khuyến mại, giảm giá hay chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng hoặc nhóm đối tượng khách hàng thì ghi rõ trong Bản cung cấp thông tin tên đối tượng, khách hàng hoặc nhóm đối tượng khách hàng và mức khuyến mãi, giảm giá hay chiết khấu;
- Các nội dung được yêu cầu khác khi cần thiết.

2. Đối với các loại vật liệu, thiết bị đã được đăng trong công bố giá

Trong trường hợp các đơn vị có sự thay đổi về giấy phép, địa điểm, **giá bán, danh mục sản phẩm...** thì bổ sung hồ sơ như sau:

- Công văn gửi Sở Xây dựng đề nghị được công bố giá vật liệu, thiết bị xây dựng (nêu rõ thời điểm giá đề nghị công bố bắt đầu có hiệu lực);
- Các nội dung khác trong hồ sơ đã nộp trước đó nếu không thay đổi so với quy định tại Mục 1 nêu trên thì không phải nộp lại. Trường hợp có thay đổi thì phải bổ sung văn bản có nội dung thay đổi mới nhất;
- Bảng giá các loại vật liệu, thiết bị xây dựng có thay đổi về tên hoặc giá so với công bố giá đã được Sở Xây dựng công bố;
- Các sản phẩm mới đề nghị công bố giá được thực hiện như hướng dẫn tại Mục 1 (Hồ sơ đối với các đơn vị đăng công bố lần đầu);
- Các nội dung thay đổi khác (nếu có).

3. Hồ sơ hợp lệ - Nguyên tắc công bố giá

3.1. Các hồ sơ có đủ nội dung theo yêu cầu tại Mục 1, Mục 2 nêu trên được coi là hợp lệ và sẽ được Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình xem xét đưa vào công bố giá theo nguyên tắc sau:

- Là các vật liệu, thiết bị được sử dụng phổ biến trong các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, có giá phù hợp với giá bán trên địa bàn tại thời điểm công bố. Các loại vật liệu, thiết bị không được sử dụng phổ biến, Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình sẽ xem xét quyết định việc đưa hoặc không đưa vào công bố giá.

- Các loại vật liệu, thiết bị có giá đề nghị cao vượt trội so với mặt bằng giá của các sản phẩm cùng loại (kích thước, tiêu chuẩn, công dụng...) Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình sẽ không xem xét đăng tải vào công bố giá.

- **Toàn bộ hồ sơ phải được ký và đóng dấu của đơn vị cung cấp.**

- Thời điểm tiếp nhận hồ sơ công bố giá: Trước ngày 26 của tháng.

- Địa điểm nhận hồ sơ công bố giá: Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình - Km số 2, đường Trần Hưng Đạo, Tp. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

3.2. Khi giá vật liệu, thiết bị không có sự thay đổi thì định kỳ **06 tháng** đề nghị quý Công ty, đại lý gửi văn bản thông báo để Sở Xây dựng nắm bắt thông tin. Nếu trong 06 tháng không có văn bản thông báo của quý Công ty thì Sở Xây dựng sẽ xem xét để gỡ thông báo giá vật liệu, thiết bị khỏi Công bố giá hàng tháng để đảm bảo sự phù hợp với biến động giá thị trường.

3.3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện đăng ký công bố giá vật liệu đối với các loại vật liệu được quy định tại **Phụ lục 3**.

3.4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về phòng Kinh tế - Vật liệu, Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình qua số điện thoại của đồng chí Cường - 094.119.2388 hoặc đồng chí Phương - 098.581.1693 để được hướng dẫn cụ thể./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổng thông tin điện tử Sở Xây dựng;
- Các Sở: GTVT, NN&PTNT, KHĐT, Công thương, Tài chính;
- Các Ban quản lý dự án chuyên ngành;
- Ban quản lý các khu công nghiệp;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, phòng KTVL.

l.v.c

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Việt Hưng

Phụ lục 1:

**MẪU VĂN BẢN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP THÔNG TIN CÔNG BỐ
GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG, THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH**

(TÊN ĐƠN VỊ)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng..... năm

V/v Đăng ký cung cấp thông tin
phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng,
thiết bị công trình của tỉnh

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày
17/6/2020*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về
Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về
quản lý vật liệu xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về
việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.*

Công ty..... gửi hồ sơ đề nghị công bố giá sản phẩm, hàng
hóa..... vào Công bố giá vật liệu, thiết bị định kỳ của tỉnh Ninh Bình.

I. Thông tin chung về công ty:

1. Tên công ty:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:
4. Email:
5. Loại hàng hóa, vật liệu kinh doanh:
6. ...

II. Thành phần hồ sơ bao gồm:

1. Bảng niêm yết giá sản phẩm, hàng hóa của đơn vị (bản chính) theo quy định.
2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp
- 3...
- 4...

III. Thời điểm mức giá có hiệu lực

Mức giá đăng ký trong hồ sơ gửi kèm văn bản thực hiện từ ngày .../.../...

IV. Cam kết của công ty

1. Các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng;
2. Đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo các quy định của pháp luật.
3. Các sản phẩm, hàng hóa đăng ký công bố thông tin đảm bảo chất lượng tiêu chuẩn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.
4. Giá đăng ký công bố là giá đảm bảo thực hiện giao dịch của Công ty (thực tế Công ty đang bán).
5. Nếu có sự thay đổi về giá, phương thức bán hàng và các thông tin khác trong thời gian có hiệu lực, Công ty sẽ thông báo kịp thời tới Sở Xây dựng để cập nhật.

Công ty xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá đơn vị đã cung cấp./.

**(ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ GIÁ)
(GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC...)**

Phụ lục 2:

BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN

1/ Mức giá các loại vật liệu, thiết bị:

Đơn vị tính:

| STT | Tên loại vật liệu xây dựng, thiết bị công trình | Quy cách, chất lượng | Đơn vị tính | Mức giá | | Khu vực công bố giá vật liệu | Dự kiến thời gian hiệu lực | Ghi chú |
|-----|---|----------------------|-------------|----------|--------|------------------------------|----------------------------|---------|
| | | | | Bán buôn | Bán lẻ | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

2/ Các thông tin thêm về điều kiện bán hàng:

Phụ lục 3:

**DANH MỤC MỘT SỐ LOẠI VẬT LIỆU XÂY DỰNG, THIẾT BỊ
CÔNG TRÌNH KHUYẾN KHÍCH ĐỀ XUẤT THÔNG TIN VỀ GIÁ**

| STT | Nhóm/Loại vật liệu xây dựng | Đơn vị tính |
|------------|---|---------------------|
| I | Vật liệu xây dựng chủ yếu, cơ bản | |
| 1 | Cát xây dựng các loại | m ³ |
| 2 | Đá xây dựng các loại | m ³ |
| 3 | Sắt thép các loại | tấn |
| 4 | Gạch xây các loại | viên |
| 5 | Gỗ xây dựng các loại | m ³ |
| 6 | Xi măng các loại | tấn |
| | ... | |
| II | Vật liệu chủ yếu trong công trình dân dụng | |
| 1 | Gạch ốp, lát các loại | viên/m ² |
| 2 | Đá ốp lát các loại | viên/m ² |
| 3 | Ngói các loại | viên/m ² |
| 4 | Kính các loại | m ² |
| 5 | Sơn (tường, trần, cột) các loại | kg |
| 6 | Tấm lợp nhựa các loại | tấm/m ² |
| 7 | Tấm lợp tôn các loại | tấm/m ² |
| 8 | Cửa gỗ các loại | m ² |
| 9 | Cửa nhựa lõi thép các loại | m ² |
| 10 | Bê tông thương phẩm | m ³ |
| 11 | Vữa các loại | m ³ |
| 12 | Chậu rửa các loại | cái |
| 13 | Vòi rửa các loại | cái |
| 14 | Chậu tiểu nam các loại | cái |
| 15 | Xí bệt các loại | cái |
| 16 | Bột bả, bột màu các loại | kg |
| | ... | |
| III | Vật liệu chủ yếu trong công trình giao thông | |
| 1 | Nhựa đường, nhựa nhũ tương, nhựa polome | tấn |

| | | |
|-----------|--|----------------|
| 2 | Đất đắp các loại | m ³ |
| 3 | Bê tông nhựa các loại | tấn |
| 4 | Sơn đường các loại. | kg |
| 5 | Biển báo các loại | cái |
| 6 | Cột biển báo, cột đèn giao thông, cột đèn đường các loại | cột |
| 7 | Cọc tiêu các loại | cọc |
| 8 | Viên phản quang | viên |
| 9 | Màng phản quang | m ² |
| 10 | Tà vẹt các loại | Cái/chiếc |
| | ... | |
| IV | Vật liệu chủ yếu ngành điện | |
| 1 | Dây, cáp dẫn điện các loại | m |
| 2 | Cột điện các loại | cột |
| 3 | Bộ sứ các loại | bộ |
| 4 | Công tắc các loại | cái/chiếc |
| 5 | Aptomat các loại | cái/chiếc |
| 6 | Cầu dao các loại | cái/chiếc |
| 7 | Cầu chì các loại | cái/chiếc |
| 8 | Đèn chiếu sáng các loại | cái/chiếc |
| | ... | |
| V | Vật liệu chủ yếu ngành nước | |
| 1 | Ống nhựa, ống thép các loại | md |
| 2 | Côn, cút nhựa, thép các loại | cái |
| 3 | Măng sông nhựa, thép các loại | cái |
| 4 | Tê nhựa, thép các loại | cái |
| 5 | BU, BE nhựa, thép các loại | cái |
| 6 | Bích nhựa, thép các loại | cái |
| | ... | |
| VI | Kết cấu thép | |
| 1 | Cọc ống thép các loại | md |
| 2 | Cọc thép hình U, I, ... các loại | md |
| 3 | Cọc ván thép, cọc cừ thép các loại | md |
| 4 | Xà gò thép các loại | tấn |
| 5 | Vì kèo thép các loại | tấn |

| | | |
|-------------|--|-----------|
| | ... | |
| VII | Cấu kiện bê tông đúc sẵn | |
| 1 | Cọc bê tông các loại | md/cọc |
| 2 | Cống tròn bê tông cốt thép các loại | md |
| 3 | Cống hộp bê tông cốt thép các loại | md |
| 4 | Dầm bê tông cốt thép các loại | phiên dầm |
| 5 | Nắp cống hộp, đậy ống bê tông các loại | cái |
| 6 | Nắp hố ga bê tông các loại | cái |
| 7 | Nắp rãnh bê tông các loại | cái |
| 8 | Tấm bê tông các loại | tấm |
| | ... | |
| VIII | Thiết bị công trình | |
| 1 | Điều hòa nhiệt độ | cái |
| 2 | Máy bơm | cái |
| 3 | Máy biến áp | cái |
| 4 | Bình nóng lạnh | cái |
| 5 | Quạt | cái |
| ... | | |